

Bản án số: **75 /2020/HS-ST**
Ngày: 27/10/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hoan

Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuý – Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì , TP. Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ba Vì, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **LƯU VĂN T**, Tên gọi khác: Không – sinh năm: 1994; Nơi cư trú: thôn ĐO, xã YD, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, Nghề nghiệp: Lao động tự do, Trình độ học vấn: 11/12; Họ và tên cha: Lưu Văn K - SN 1965, Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Kh SN 1970, Vợ: Lý Thị P, SN 1996, Con: Chưa có. Tiền án: Tại bản án HSST số 57 ngày 20/11/2018 của TAND huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc xử phạt Lưu Văn T 01 năm 03 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Trị giá tài sản do T chiếm đoạt là 12.500.000đ (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) và 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, trị giá tài sản do T chiếm đoạt là 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Tổng hợp hình phạt của hai tội là 22 tháng tù. T chấp hành xong hình phạt ra trại ngày 21/01/2020. Án phí HSST, T đã nộp ngày 23/04/2019. Tiền sự: Không. Nhân thân: Tại bản án HSST số 04 ngày 25/01/2016 của TAND huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc xử phạt Lưu Văn T T 03 tháng 25 ngày tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trị giá tài sản do T chiếm đoạt là 14.700.000đ (Mười bốn triệu,

bảy trăm nghìn đồng . T Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2016. Tiền án phí HSST 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), T đã nộp tại CCTHADS huyện Tam Đảo ngày 04/03/2016.

Ngày 15/06/2014 Công an tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính đối với Lưu Văn T 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.

Ngày 05/01/2018 Công an thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính đối với Lưu Văn T 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng), về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/ 06/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Hoàng L – sinh 1992

HKTT và chỗ ở hiện nay : Khu 9, xã TH, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Anh Diệp Văn H – sinh năm 1989

HKTT và chỗ ở hiện nay : Thôn Đ, xã ĐT, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Anh Nguyễn Quốc H1 – sinh năm 1991

HKTT và chỗ ở hiện nay : Thôn Đ, xã ĐT, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.- Anh Nguyễn Mạnh H2 – sinh 1987

HKTT và chỗ ở hiện nay : Tổ dân phố X 3, phường Phúc Thắng, huyện Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.- Anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1982

HKTT: Tổ dân phố X 3, phường Phúc Thắng, huyện Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/5/2020 anh Nguyễn Quốc Th1; anh Diệp Văn H; anh Nguyễn Quốc H1 và chị Hà Thị H3 (chị H3 là vợ của Nguyễn Quốc H1) đều có hộ khẩu tại ĐT- Tam Đảo- Vĩnh Phúc tới xã Ba Trại- Ba Vì- Hà Nội để chơi với bạn là anh Nguyễn Hoàng L (HKTT: Khu 9- TH- Lập Thạch- Vĩnh Phúc) hiện đang làm công nhân tại trại gà “Giáp Pha” thuộc thôn 9- Ba Trại- Ba Vì- Hà Nội. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, số người trên đến thuê 02 phòng nghỉ tại nhà nghỉ “Th1 Sơn” thuộc thôn 9- Ba Trại- Ba Vì- Hà Nội để ngủ qua đêm. Tại đây, Th1, H, L ở phòng 301 còn anh H1 và chị H3 ở phòng 302. Sau đó, H1 sang phòng 301 để uống bia cùng Th1, L và H.

Lúc này, Th1 và L đều gọi điện cho Lưu Văn T đến để hỏi rõ về việc trước đó T đã từng gọi điện chửi bới H1, H, L và Th1. T đồng ý tới gặp Th1 và L. Đến khoảng 1 giờ ngày 20/5/2020, T bắt xe taxi đến nhà nghỉ Th1 Sơn rồi lên phòng 301 uống bia, nói chuyện cùng với H, L, Th1 và H1. Uống bia được khoảng 30 phút, L, H và Th1 lên giường ngủ trước. T và H1 tiếp tục ngồi uống bia, nói chuyện. Đến khoảng 03 giờ ngày 20/5/2020, H1 sang phòng 302 để ngủ cùng vợ. T nằm nghỉ luôn tại phòng 301 cùng với H, L và Th1. Lúc này, T nghĩ đến việc H1 nói với T là khi H ngủ dậy sẽ xử lý T về việc trước đó T đã chửi bới, xúc phạm họ. T sợ bị đánh nên định bỏ về trước khi L, Th1, H1 và H ngủ dậy. Do không còn tiền, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của H, L và Th1 tại phòng 301 để lấy tiền bắt xe đi về. Thực hiện ý định, T lục lọi chiếc ví dưới đuôi giường nơi H đang nằm và lấy được số tiền 40.000đ và để lại chiếc ví ở vị trí ban đầu. Tiếp đó, T thấy dưới đuôi giường của L, Th1 đang nằm ngủ có 01 chiếc ví da, 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6, màu Gold và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S20 Ultra (là ví và điện thoại của Nguyễn Hoàng L). T lục soát ví lấy trộm được số tiền 70.000đ và lấy trộm luôn 02 chiếc điện thoại nêu trên của L. Lúc này, T thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, kiểu dáng J7, màu hồng ở dưới sàn nhà là chiếc điện thoại di động của Nguyễn Quốc H1 đang sử dụng (H1 mượn của T). T đã lấy luôn chiếc điện thoại nêu trên. Sau đó, T đi xuống tầng 1 của nhà nghỉ gặp anh Hoàng Danh Đ2 để nhờ gọi xe taxi đi về. Anh Đ2 hướng dẫn T gọi xe theo số điện thoại dán trước cửa nhà nghỉ. T đi khỏi nhà nghỉ thì gặp anh Lê Đình Th3 đang đi tập thể dục. T nói với anh Th3 về việc muốn tìm xe taxi để đi về nhà ở ĐO- YD- Tam Đảo- Vĩnh Phúc. Do anh Th3 làm lái xe taxi gia đình nên anh Th3 đã nhận lời chở T đi về.

Đến khoảng 4 giờ cùng ngày, anh H1 đi sang phòng 301 để lấy chiếc điện thoại Samsung J7 của mình nhưng không thấy điện thoại và cũng không thấy T ở trong phòng nữa. Nghĩ là T đã lấy trộm tài sản của mình và mọi người bỏ đi trước, H1 đã gọi H, L và Th1 dậy kiểm tra lại tài sản của mình xem có mất gì không. Anh Nguyễn Hoàng L phát hiện bị mất 01 chiếc điện thoại Samsung Ultra, bên trong điện thoại được lắp sim điện thoại mang số thuê bao “0358.382.401”; 01 chiếc điện thoại Iphone6, màu gold, bên trong điện thoại được lắp sim điện thoại mang số thuê bao “0966.946.248” và 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền mặt để trong ví; Anh Diệp Văn H phát hiện bị mất số tiền khoảng 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) để trong ví. Anh Nguyễn Quốc H1 bị mất một chiếc điện thoại di động Samsung J7, màu hồng, và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) trong ví của mình để tại phòng 302. Anh Nguyễn Quốc Th1 không bị mất tài sản gì. Lúc này, H1, Th1, L và H xuống quây lể tân gặp anh Hoàng Danh Đ2 chủ nhà nghỉ để hỏi T rời nhà nghỉ lúc nào. Khi được anh Đ2 cho biết, T đã gọi taxi của anh Th3 đi khỏi nhà nghỉ được khoảng 15 phút. Anh H1 mượn máy điện thoại di động của anh Đ2 gọi điện cho anh Th3 và yêu cầu anh Th3 chở T quay lại nhà nghỉ. Anh Th3 nghe máy và nói lại với T. Thấy vậy, T

nói dối anh Th3 rằng người gọi điện là anh trai của T và bảo anh Th3 cho mượn điện thoại để T nói chuyện với H1. Anh Th3 đưa điện thoại cho T nhưng T không nghe điện mà tắt bỏ máy. Sau đó, T dùng máy điện thoại của anh Th3 nhắn tin vào máy điện thoại của anh Đ2 nội dung là anh Th3 đang chờ T quay lại nhà nghỉ rồi để mọi người không gọi nữa (tin nhắn này sau khi gửi đi T đã xóa bỏ trong máy anh Th3). Sau đó, T bảo anh Th3 chờ T về nhà của H1 để T lấy xe máy trước đó đã gửi nhà H1. Tới nơi, T bảo anh Th3 đứng ở ngoài đợi để T vào nhà lấy xe. Lấy xe xong, T điều khiển xe đi ra ngoài. T thấy anh Th3 đang nói chuyện điện thoại với ai đó. Sợ là anh Th3 nghe điện của H1 và biết việc T trộm cắp tài sản nên T đã phóng xe đi luôn mà không trả tiền taxi cho anh Th3. Khoảng 2 đến 3 ngày sau, T tới gặp Nguyễn Văn S (SN: 1982, HKTT: P. Phúc Thắng- Phúc Yên- Vĩnh Phúc) để nhờ S tìm người cho cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S20 Ultra lấy trộm được. S đồng ý và gọi điện cho em trai mình là Nguyễn Mạnh H1 (SN: 1987, HKTT: P. Phúc Thắng- Phúc Yên- Vĩnh Phúc) và H1 cho T cầm cố chiếc điện thoại trên với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Số tiền trên, T dùng để mua 02 bộ quần áo cộc và tiêu sài hết. Sau đó, T vào một quán Internet có biển hiệu “VIN GAME” ở gần nhà S để chơi điện tử. Tại đây, T đã cầm cố chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6, màu Gold lấy trộm được cho anh Lê Đức M1 (SN: 2003, HKTT: Khu 11- Đào Xá- Th1 Thủy- Phú Thọ) là nhân viên quán Internet) lấy 500.000đ tiền thẻ điện thoại để nạp vào trò chơi. Khoảng 2 đến 3 ngày sau, Nguyễn Văn S đến quán Internet “VIN GAME” để tìm T nhưng không gặp. Tại đây, S biết T đã cầm cố chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6, màu Gold. S đã chuộc lại chiếc điện thoại trên với số tiền 500.000đ để khi nào T quay lại thì S sẽ đưa lại máy điện thoại cho T. Khoảng một tuần sau, T đến đưa cho S số tiền 4.000.000đ để nhờ S chuộc lại chiếc điện thoại SAMSUNG Galaxy S20 Ultra mà T đã cầm cố cho anh H1. Nhưng do anh H1 đi vắng nên chưa lấy được điện thoại. Đối với chiếc điện thoại Samsung J7: Ngày 20/5/2020, T đi về nhà tắm rửa, thay đồ đã để quên chiếc điện thoại trong túi quần và cho vào máy giặt. Vì vậy, chiếc điện thoại trên đã bị hỏng không sử dụng được. T đã ném bỏ ở góc nhà ngang phía sau máy giặt. Sau khi không thấy T quay trở lại nhà nghỉ, các anh Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Hoàng L và Diệp Văn H đã đến Công an xã Ba Trại- Ba Vì- Hà Nội để trình báo.

Ngày 08/6/2020, Lưu Văn T đến Công an xã Ba Trại- Ba Vì đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản ngày 20/5/2020 tại nhà nghỉ “Th1 Sơn” thuộc thôn 9- Ba Trại- Ba Vì- Hà Nội. cụ thể Lưu Văn T khai nhận đã lấy trộm được 01 chiếc điện thoại Samsung galaxy Untra S20; 01 chiếc điện thoại Iphone 6, màu gold và tổng số tiền 110.000đ ở hai chiếc ví (như nêu ở trên). Ngoài ra, T không lấy trộm được tài sản nào khác.

Đối với chiếc điện thoại Samsung J7, T khai nhận: Chiếc điện thoại này trước đây là của Nguyễn Quốc H1. Nhưng sau đó, H1 đã đi cầm cố và không chuộc được. H1 bảo T đi chuộc về mà sử dụng. T đã đi chuộc chiếc điện thoại trên về để sử dụng.

Sau đó, do không có điện thoại nên H1 đã mượn T chiếc điện thoại trên để sử dụng. Ngày 20/5/2020, T thấy H1 để chiếc điện thoại trên ở phòng 301, nhà nghỉ “Thị Sơn”. là điện thoại của mình, T đã lấy chiếc điện thoại về để sử dụng.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành triệu tập Nguyễn Văn S, Nguyễn Mạnh H2 (và Lê Đức M1 để làm việc. Tại cơ quan CSĐT, các anh S, H1 và Mạnh đã khai nhận rõ việc cho T cầm cố những chiếc điện thoại như nêu ở trên nhưng các anh đều không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có. Ngày 06/8/2020, anh Nguyễn Văn S đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Iphone 6, màu Gold, có số IMEI :358374066465268; anh Nguyễn Mạnh H1 đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Samsung Galaxy S20 Ultra, màu bạc ánh kim có các số IMEI 1: 355515065409666, IMEI 2: 355515065409673 để phục vụ điều tra.

Căn cứ lời khai của Lưu Văn T. Cơ quan CSĐT đã phối hợp với Công an xã YD - Tam Đảo - Vĩnh Phúc cùng với gia đình T để tổ chức truy tìm chiếc điện thoại Samsung J7 nhưng không tìm thấy. Hiện cơ quan CSĐT vẫn chưa thu giữ được chiếc điện thoại nêu trên.

Đối với chiếc sim điện thoại mang số thuê bao “0358.382.401” được lắp trong chiếc máy điện thoại SAMSUNG Galaxy S20 Ultra và chiếc sim điện thoại mang số thuê bao “0966.946.248” được lắp trong chiếc máy điện thoại Iphone 6, màu gold, Lưu Văn T khai nhận: Sau khi lấy trộm được hai chiếc điện thoại, T đã tháo hai chiếc sim vứt bỏ. Nhưng do T không nhớ vị trí vứt nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ để truy tìm.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 48/2020/KL- ĐGTS ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Vì, kết luận:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S20 Untra, màu bạc ánh kim có các số IMEI 1: 355515065409666, IMEI 2: 355515065409673 (đã qua sử dụng). Trị giá: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Samsung J7 (đã qua sử dụng). Trị giá: 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6, màu gold số IMEI: 358374066465268 (đã qua sử dụng). Trị giá: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị là: 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn).

Đối với việc anh Nguyễn Hoàng L trình bày: Ngày 20/5/2020, ngoài việc bị mất 01 (một) chiếc điện thoại SAMSUNG Galaxy S20 Ultra và 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6, màu gold, anh L còn bị mất 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền mặt để trong ví. Quá trình điều tra, Lưu Văn T chỉ khai nhận lấy được số tiền 70.000đ trong ví của anh L. Cơ quan CSĐT đã tiến hành cho anh L đối chất với Lưu Văn T. Quá trình đối chất, Lưu Văn T vẫn không thừa nhận đã lấy trộm số tiền 4.000.000đ của anh L. Ngoài lời khai của anh L, Cơ quan CSĐT không có tài liệu, chứng cứ nào

khác để chứng minh T lấy số tiền 4.000.000đ của anh L. Do đó, Cơ quan CSĐT đã không đủ căn cứ để kết luận.

Đối với việc anh Diệp Văn H trình bày: Ngày 20/5/2020, anh H bị mất trộm số tiền khoảng 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) để trong ví. Quá trình điều tra, Lưu Văn T chỉ khai nhận lấy được số tiền 40.000đ trong ví của anh H. Cơ quan CSĐT đã nhiều lần triệu tập anh H đến đối chất với Lưu Văn T để làm rõ nhưng anh H đều không có mặt tại địa phương, không chấp hành giấy triệu tập của CQĐT. Ngoài lời khai của anh H, Cơ quan CSĐT không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh T lấy số tiền như anh H đã trình bày. Do đó, Cơ quan CSĐT đã không đủ căn cứ để kết luận.

Đối với việc anh Nguyễn Quốc H1 trình bày: Ngày 20/5/2020, anh H1 bị mất 01 (một) chiếc điện thoại Samsung J7 và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) ở trong ví như nêu ở trên. Quá trình điều tra, Lưu Văn T không thừa nhận lấy trộm số tiền ở trong ví để tại phòng 302 của anh H1. Đối với chiếc điện thoại Samsung J7, T khai nhận: Chiếc điện thoại này trước đây là của Nguyễn Quốc H1. Nhưng anh H1 đã đi cầm cố và không chuộc lại được. H1 bảo T đi chuộc về mà sử dụng. T đã đi chuộc chiếc điện thoại trên về. Sau đó, do không có điện thoại để sử dụng nên H1 đã mượn chiếc điện thoại trên của T để sử dụng và H1 chưa trả lại cho T. Ngày 20/5/2020, T thấy H1 để chiếc điện thoại trên ở phòng 301, nhà nghỉ “Th1 Sơn”. T đã lấy chiếc điện thoại về để sử dụng. Cơ quan CSĐT đã nhiều lần triệu tập H1 đến để làm rõ những vấn đề liên quan và tiến hành cho anh H1 đối chất với Lưu Văn T nhưng anh H1 không có mặt tại địa phương không chấp hành giấy triệu tập của CQĐT. Ngoài lời khai ban đầu của anh H1, Cơ quan CSĐT không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh T lấy số tiền, điện thoại như anh H1 đã trình bày. Do đó, Cơ quan CSĐT đã không đủ căn cứ để kết luận.

Đối với Nguyễn Văn S, Nguyễn Mạnh H2, Lê Đức M1 là những người đã có hành vi giúp Lưu Văn T đi cầm cố và cho T cầm cố chiếc điện thoại SAMSUNG Galaxy S20 Ultra và chiếc điện thoại kiểu dáng Iphone 6, màu Gold. Các anh H1, S, M1 không biết và cũng không được T cho biết đó là tài sản do T trộm cắp được mà có. Do đó, cơ quan CSĐT không đề cập xử lý đối với anh S, anh H2 và anh M1 là có căn cứ.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01(một) chiếc điện thoại Iphone 6, màu Gold, có số IMEI: 358374066465268 và 01 (một) chiếc điện thoại Samsung Galaxy S20 Ultra, màu bạc ánh kim có các số IMEI 1: 355515065409666, IMEI 2: 355515065409673 do anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Mạnh H2 tự nguyện giao nộp cho CQĐT.

Về dân sự:

- Anh Nguyễn Hoàng L yêu cầu Lưu Văn T, H1 đền bù thiệt hại số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) , đề nghị được nhận lại 01 chiếc điện thoại di động kiểu

dáng Iphone 6, màu Gold Trị giá: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S20 Ultra

- Đối với anh Diệp Văn H và Nguyễn Quốc H1, CQĐT đã nhiều lần đến để giải quyết vụ án và yêu cầu về dân sự nhưng H và H1 không có mặt tại địa phương, sẽ giành quyền khởi kiện khi có yêu cầu..

- Đối với việc T không trả tiền taxi cho anh Th3:Anh Lê Đình Thìn không có yêu cầu, đề nghị T p H1 trả số tiền trên.

- Về số tiền cầm cố 02 chiếc điện thoại Lưu Văn T đã trả cho anh Nguyễn Văn S. Anh S đã trả tiền cho anh H1 và trả tiền cho anh Lê Đức M1 để chuộc chiếc điện thoại T cầm cố cho anh M1. Các anh Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn H1 và Lê Đức M1 không yêu cầu gì về dân sự đối với T.

Tại Cáo trạng số: 77/CT-VKS ngày 29/9/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì đề nghị truy tố bị cáo Lưu Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173BLHS 2015;

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì giữ nguyên quan điểm tại bản cáo trạng đề nghị: Xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Miễn hình phạt tiền cho bị cáo. Về dân sự: Tuyên trả cho anh Hoàng Hữu L 01(một) chiếc điện thoại Iphone 6, màu Gold, có số IMEI: 358374066465268 và 01 (một) chiếc điện thoại Samsung Galaxy S20 Ultra, màu bạc ánh kim có các số IMEI 1: 355515065409666, IMEI 2: 355515065409673, buộc bị cáo Lưu Văn T p H1 trả cho anh Hoàng Hữu L số tiền 70.000đ. Giành quyền khởi kiện về dân sự cho anh Diệp Văn H và Nguyễn Quốc H1 bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình tiến hành tố tụng, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT – Công an huyện Ba Vì và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì đều được thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa hôm nay có đủ cơ sở để xác định:Đến khoảng 03 giờ ngày 20/5/2020, bị cáo Lưu Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh Diệp Văn H được số tiền 40.000đ . Tiếp đó, T lấy trộm của anh Nguyễn Hoàng L 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6, màu Gold và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S20 Ultra và số tiền 70.000đ . T thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, kiểu dáng J7, màu hồng ở dưới sàn nhà là chiếc điện thoại di động của Nguyễn Quốc H1 đang sử dụng (H1 mượn của T) T đã lấy luôn chiếc điện thoại

nêu trên. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 48/2020/KL- ĐGTS ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Vì, kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S20 Ultra, màu bạc ánh kim có các số IMEI 1: 355515065409666, IMEI 2: 355515065409673 (đã qua sử dụng). Trị giá: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). 01 (một) chiếc điện thoại di động Samsung J7 (đã qua sử dụng). Trị giá: 1.000.000đ (Một triệu đồng). 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6, màu gold số IMEI: 358374066465268 (đã qua sử dụng). Trị giá: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng giá trị là: 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn). Do vậy hành vi của bị cáo Lưu Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Do vậy p H1 áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tại cơ quan điều tra bị cáo ra đầu thú. Do đó HĐXX áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng: Tại bản án HSST số 57 ngày 20/11/2018 của TAND huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc xử phạt Lưu Văn T 01 năm 03 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Trị giá tài sản do T chiếm đoạt là 12.500.000đ (mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) và 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, trị giá tài sản do T chiếm đoạt là 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Tổng hợp hình phạt của hai tội là 22 tháng tù. T chấp hành xong hình phạt ra trại ngày 21/01/2020. Bị cáo chưa được xóa án tích đến ngày 20/5/2020 bị cáo lại phạm tội. Do vậy bị cáo bị áp dụng trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 điều 52 BLHS.

Qua xem xét đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy bị cáo có nhân thân xấu có nhiều tiền án, tiền sự bị cáo đã được đi cải tạo mà không lấy đó là bài học mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Do vậy, cần p H1 tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[3] Về dân sự: -Tuyên trả cho anh Nguyễn Hoàng L 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6, màu Gold, có số IMEI: 358374066465268 và 01 (một) chiếc điện thoại Samsung Galaxy S20 Ultra, màu bạc ánh kim có các số IMEI 1: 355515065409666, IMEI 2: 355515065409673. Anh Nguyễn Hoàng L yêu cầu Lưu Văn T p H1 đền bù thiệt hại số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), bị cáo Lưu Văn T chỉ thừa nhận lấy của anh Nguyễn Hoàng L số tiền 70.000đ. Do vậy chỉ có căn cứ buộc bị cáo Lưu Văn T p

H1 trả cho anh Nguyễn Hoàng L số tiền 70.000đ.

- Đối với anh Diệp Văn H và Nguyễn Quốc H1, CQĐT đã nhiều lần đến để giải quyết vụ án và yêu cầu về dân sự nhưng H và H1 không có mặt tại địa phương, sẽ giành quyền khởi kiện khi có yêu cầu. Do vậy, HĐXX không xem xét.

- Đối với việc T không trả tiền taxi cho anh Th3: Anh Lê Đình Thìn không có yêu cầu, đề nghị T p H1 trả số tiền trên. Do vậy, HĐXX không xem xét.

- Về số tiền cầm cố 02 chiếc điện thoại Lưu Văn T đã trả cho anh Nguyễn Văn S. Anh S đã trả tiền cho anh H1 và trả tiền cho anh Lê Đức M1 để chuộc chiếc điện thoại T cầm cố cho anh Mạnh. Các anh Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn H1 và Lê Đức M1 không yêu cầu gì về dân sự đối với T. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[4] Hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 điều 173 BLHS quy định “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chưa có thu nhập ổn định, do vậy HĐXX miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về án phí: bị cáo p H1 chịu theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS 2015; Điều 135 Bộ Luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí lệ phí Tòa án.

2. Xử: Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Lưu Văn T 24 (Hai mươi bốn)** tháng tù, kể ngày tạm giữ, tạm giam 08/6/2020.

3. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

4. Về dân sự: Tuyên trả cho anh Nguyễn Hoàng L 01(một) chiếc điện thoại Iphone 6, màu Gold, có số IMEI: 358374066465268 và 01 (một) chiếc điện thoại Samsung Galaxy S20 Ultra, màu bạc ánh kim có các số IMEI 1: 355515065409666, IMEI 2: 355515065409673. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội)
Buộc bị cáo Lưu Văn T phải trả cho anh Nguyễn Hoàng L số tiền 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Giành quyền khởi kiện về dân sự cho anh Diệp Văn H và Nguyễn Quốc H1 bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

5. *Án phí*: Bị cáo Lưu Văn T phải chịu 200.000 đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người p H1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hà Nội;
- Viện KSND huyện Ba Vì;
- Công an huyện Ba Vì;
- Chi cục thi hành án huyện Ba Vì;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Thu Hương